

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2017/HSST

Ngày: 13-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sùng A Xà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Sần Tài Văn.
2. Bà Điều Thị Thúy Hà.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Đình Hải Nam, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 70/2017/HSST, ngày 01 tháng 6 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/HSST-QĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Vàng Mí P, sinh năm: 1987, tại huyện B, tỉnh Hà Giang.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (ĐKHKT) và nơi ở trước ngày bị bắt: Thôn P, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Mông; tiền án: Không, tiền sự: Không; con ông: Vàng Phái C (Đã chết) và bà: Ly Thị C, sinh năm: 1952; có vợ: Sùng Thị S, sinh năm: 1987 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2015; bị cáo bị bắt khẩn cấp và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2016, bị tạm giam cho đến nay và được trích xuất, áp giải đến phiên tòa.

2. Lừu Di T, sinh năm 1992, tại huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

Nơi ĐKHKT và nơi ở trước ngày bị bắt: Thôn S, xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Hán; con ông: Lừu Thái S, sinh năm: 1963 và bà: Chồ Thị S, sinh năm: 1966; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt khẩn cấp và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2016 cho đến nay và được trích xuất, áp giải đến phiên tòa.

3. Thào Mí S, sinh năm: 1989, tại huyện B, tỉnh Hà Giang.

Nơi ĐKHKT và nơi ở trước khi bị bắt: Thôn P, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: Không; dân tộc: Mông; tiền án:

Không, tiền sự: Không; con ông: Thào Mí S, sinh năm: 1961 và bà: Vàng Thị D, sinh năm: 1962; có vợ: Sùng Thị S, sinh năm: 1992 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2016; bị cáo bị bắt khẩn cấp và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2016 cho đến nay và được trích xuất, áp giải đến phiên tòa.

- Những người bị hại:

1. Bà: Hù Thị X, sinh năm: 1994; trú tại: Bản L, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

2. Bà: Hù Thị C1 (C2) sinh ngày: 25/8/1999; trú tại: Bản L, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do lần thứ 02.

- Người đại diện hợp pháp của người bị hại Hù Thị C1 (C2): Bà Cừ Thị L (Hù Thị Đ), sinh năm: 1975; trú tại: Bản L, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- Người bào chữa cho hai bị cáo Vàng Mí P, Lừ Dỉ T: Bà Lê Thị D, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Thào Mí S: Bà Lê Thị X, Luật sư, Cộng tác viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- Người phiên dịch tiếng dân tộc H'Mông: Ông Sùng A C, sinh năm: 1994; trú tại: Tổ 16, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa tháng 6/2016, Thào Mí N có làm quen và lấy số điện thoại của Hù Thị X, sinh năm 1994 và cháu của X là Hù Thị C1 (C2), sinh ngày 25/8/1999. Khoảng tháng 8/2016, Vàng Mí P gặp làm quen với Thào Mí N và có trao đổi số điện thoại với nhau. N cho P số điện thoại của X bảo để tán tỉnh làm quen, P đồng ý, rồi lấy tên giả là S thường xuyên nhắn tin, gọi điện cho X. Sáng ngày 02/9/2016, N gọi điện rủ P và Thào Mí S ở cùng bản với P lên nhà bạn của N là Lừ Dỉ T chơi. P đồng ý và chở S bằng xe máy biển kiểm soát 23L5-abc lên nhà T chơi và nghỉ lại tại đó. Khoảng 15 giờ ngày 03/9/2016, khi đang chơi tại nhà T, N bảo với P, S, T là bây giờ muốn có tiền phải tìm gái đưa sang Trung Quốc bán. N nói quen hai người phụ nữ ở Điện Biên, N với P sẽ sang Điện Biên tán tỉnh, lừa hai người phụ nữ kia sang Hà Giang còn S và T ở nhà, khi nào N và P về Hà Giang sẽ gọi điện cho S và T đón, tất cả đều nhất trí. Chiều cùng ngày, P và N đi xe máy đến xã P, huyện Đ nghỉ để đi Điện Biên, S ở nhà T. Khoảng 07 giờ ngày 05/9/2016, N và P đi xe ô tô khách về thành phố H vào khoảng 10 giờ cùng ngày và thuê nhà nghỉ ở đó. N bảo với P lấy tên giả là S còn N lấy tên giả là T để không bị phát hiện. Sáng ngày 06/9/2016, N và P đi xe khách về bến xe M, thành phố Hà Nội. Khoảng 17 giờ cùng ngày, tiếp tục đi xe khách lên Điện Biên. Đến khoảng 04 giờ sáng ngày 07/9/2016, N và P xuống xe ở khu vực ngã ba đường rẽ vào xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên và thuê nhà nghỉ tại đó. Khoảng 07 giờ cùng

ngày, P gọi điện cho X còn N gọi điện cho C2 đến nhà nghỉ sau đó cả bốn người đi xe khách về thành phố Đ chơi, đến khoảng 11 giờ cùng ngày đi xe quay lại nhà nghỉ rồi vào nhà C2 và X chơi. N và P tán tỉnh C2 và X, nói với gia đình của C2 và X muốn lấy C2 và X làm vợ nhưng không được gia đình X đồng ý vì nhà ở xa, trên người không có giấy tờ. Đến tối cùng ngày, N và P tiếp tục tán tỉnh, rủ C2, X đi lên Hà Giang thăm nhà, sẽ lấy làm vợ. Khoảng 08 giờ ngày 08/9/2016, X và C2 đến gặp P và N ở nhà nghỉ, đồng ý đi theo sang Hà Giang chơi. Khoảng 17 giờ cùng ngày, N và P đón xe khách từ thành phố Đ về thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Khoảng 20 giờ cùng ngày, N gọi điện cho S nói hôm sau sẽ đưa X và C về đến thành phố H, N bảo T và S đi xe máy và mang tiền xuống đón. T và S bảo với N là không có tiền. N gọi điện cho anh Vàng Mí C vay 3.000.000 đồng, rồi gọi điện cho T bảo đến nhà anh C vay tiền. Khoảng 22 giờ ngày 08/9/2016, T và S đi hai xe máy đến nhà anh C vay được 3.000.000 đồng và nghỉ ở khu vực xã P. N gọi điện cho S giả vờ là N gọi điện thoại cho bố nói, đang đưa người về nhà để lấy làm vợ. Sáng ngày 09/9/2016, T và S mỗi người đi một xe máy về thành phố H đón N, P ở bên xe khách thành phố H, S đi xe máy của P, T đi xe máy của T biển kiểm soát: 23N1-xyz, T đưa cho N 2.500.000 đồng từ số tiền vay của anh C. N trả tiền taxi hết 1.200.000 đồng sau đó N và P mỗi người đi một xe máy chở C2 và X đi về huyện Đ. Khi đi trong thành phố H, N điều khiển xe vượt đèn đỏ bị cảnh sát giao thông tạm giữ xe máy. Sau đó, cả 06 người ăn cơm trưa ở chợ trung tâm thành phố H. P chở X bằng xe máy, còn N, C2, S và T cùng nhau đi xe khách lên xã P, huyện Đ. Khi P đi xe máy đến khu vực xã P, huyện Đ thì N và C xuống xe. N bảo P đưa X lên khu vực xã P2 đi theo đường tiểu ngạch để đưa sang Trung Quốc bán. Khi P đi đến khu vực ngã ba P3 thì thấy N chở C2 bằng xe máy vượt lên đi trước, T và S về nhà T. Khi đi đến đường mòn đi bộ để qua biên giới sang Trung Quốc, P bỏ xe máy lại dẫn X đi bộ theo đường mòn khoảng 15 phút thì đến cột mốc 379, cả hai đi tiếp sang đất Trung Quốc thì thấy N và C2 đang ngồi trên một chiếc ô tô màu trắng cùng 05 người Trung Quốc. N bảo P và X lên xe nhưng X không chịu lên, nói đi bộ cùng với P. N và C2 đi xe ô tô vào nội địa Trung Quốc trước, còn P và X đi bộ theo sau. Đi được khoảng 20 mét, lợi dụng sơ hở của P, X đã trốn về được Việt Nam. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, P không tìm được X nên đã quay trở lại về nhà T. Khoảng 22 giờ cùng ngày, N đi về báo với P, S, T bán C2 được 14.000 Nhân dân tệ (tiền Trung Quốc), được đưa trước 2.000 Nhân dân tệ. Sáng ngày hôm sau, N đưa cho S 500 nhân dân tệ (tiền Trung Quốc) bảo S và P tự chia nhau, S đổi được 1.560.000 VNĐ, S đổ xăng hết 50.000 đồng, chia cho P được 700.000 đồng và giữ lại 810.000 đồng. Sau đó, N và T cùng đi xe máy xuống thành phố H nộp tiền phạt để lấy xe máy của T, lấy xong, N đưa cho T 1.000.000 VNĐ.

Ngày 10/9/2016, Hồ Thị X đã đến Đồn Biên phòng P4, tỉnh Hà Giang tố giác về việc bị lừa bán sang Trung Quốc. Ngày 27/9/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hà Giang đã bắt khẩn cấp Vàng Mí P, Lừ Dỉ T và Thào Mí S.

Tại bản Cáo trạng số: 15/QĐ-VKS-P2 ngày 30/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố các bị cáo Vàng Mí P, Lừ Dỉ T, Thào Mí S về tội: “*Mua bán người*” theo quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 119 Bộ luật

Hình sự (BLHS) năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên nội dung trong quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 119/BLHS, Điều 20, Điều 53/BLHS, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46/BLHS xử phạt bị cáo Vàng Mí P từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Thảo Mí S từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù; áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 119/BLHS, Điều 20, Điều 53/BLHS, điểm b, p khoản 1 Điều 46/BLHS xử phạt bị cáo Lừu Dĩ T từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội: “*Mua bán người*”. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 119/BLHS và miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo theo Điều 99/BLTTHS, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 vì các bị cáo Thảo Mí S, Lừu Dĩ T đều thuộc diện hộ nghèo, bị cáo Vàng Mí P thuộc diện hộ cận nghèo, các bị cáo đều sống tại nơi đặc biệt khó khăn, không có khả năng thi hành án.

Về vật chứng, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng Điều 41/BLHS, Điều 76/BLTTHS:

- *Tịch thu bán sung ngân sách Nhà nước:*

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động, loại máy trần có bàn phím, vỏ máy màu vàng nâu, viền màu đen, nhãn hiệu FPT, máy đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong và tình trạng máy. Tạm giữ của Vàng Mí P.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động, loại máy trần có bàn phím, vỏ máy màu đen, viền màu xanh da trời, nhãn hiệu FPT, máy đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong và tình trạng máy. Tạm giữ của Thảo Mí S.

+ 01 (một) xe máy hiệu YAMAHA màu đen, biển kiểm soát: 23N1-zyz; số khung: RLCS1FC30FY102782; số máy: 1FC3-102790. Đặc điểm riêng của xe khi tạm giữ như sau: Xe có 01 gương trái, không có gương phải, phía đầu xe có dán logo đầu con hổ, yếm trước dán logo phật bà quan âm bồ tát, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng và tình trạng của xe. Tạm giữ của Lừu Dĩ T.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu nâu, màn hình cảm ứng, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong và tình trạng máy. Tạm giữ của Lừu Dĩ T.

+ 01 (một) giấy chứng nhận đăng kí xe mô tô, xe máy số: 000934 đăng ký ngày 03/02/2015, mang tên Lừu Dĩ T.

+ 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc số: 007230256 cấp ngày 30/01/2015, người nộp tiền có tên Lừu Dĩ T.

- *Trả lại cho bị cáo Lừu Dĩ T:*

+ 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số: 073442nhk, cấp ngày: 06/5/2014, mang tên Lừu Dĩ T.

+ 01 (một) giấy phép lái xe số: 020149006114, cấp ngày: 01/8/2014 mang tên Lừu Dĩ T.

- *Truy thu, sung ngân sách Nhà nước:*

+ Truy thu của bị cáo Lừu Dĩ T số tiền: 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

+ Truy thu của bị cáo Vàng Mí P số tiền: 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng).

+ Truy thu của bị cáo Thào Mí S số tiền: 860.000 đồng (tám trăm sáu mươi ngàn đồng).

Về trách nhiệm dân sự. Áp dụng Điều 42/BLHS, các Điều 584, 587, 592 Bộ luật Dân sự (BLDS) vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận số tiền gia đình các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình 02 người bị hại. Bị cáo Lừu Di T chưa bồi thường cho Hồ Thị X, đề nghị HĐXX buộc Lừu Di T phải bồi thường cho Hồ Thị X số tiền 2.500.000 đồng. Vì người bị hại Hồ Thị C1 (C2) không có mặt tại phiên tòa, nên đối với yêu cầu về phần bồi thường thiệt hại cho người bị hại Hồ Thị C1, đề nghị Hội đồng xét xử không xử lý trong vụ án này, xem xét giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu của người bị hại Hồ Thị C1.

Tại phiên tòa, người bị hại Hồ Thị X trình bày sự việc phù hợp với lời khai của các bị cáo. Người bị hại Hồ Thị X yêu cầu bồi thường tổng cộng 10.000.000 đồng (mỗi bị cáo 2.500.000 đồng, Thào Mí N 2.500.000 đồng). Người đại diện hợp pháp của người bị hại Hồ Thị C1 (C2) - Bà Cứ Thị L yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tổng cộng 10.000.000 đồng (mỗi bị cáo 2.500.000 đồng, Thào Mí N 2.500.000 đồng) là tiền công đi tìm, chi phí hợp lý khác.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố về tội: “*Mua bán người*” theo điểm đ, e khoản 2 Điều 119/BLHS. Các bị cáo không tranh luận gì với Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hai bị cáo chấp nhận bồi thường theo đề nghị của người bị hại Hồ Thị X và người đại diện hợp pháp của người bị hại Hồ Thị C1 (C2) - Bà Cứ Thị L.

Những người bào chữa cho các bị cáo Vàng Mí P, Lừu Di T và Thào Mí S đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 119/BLHS, Điều 20, Điều 53/BLHS, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47/BLHS, Nghị quyết số: 41/2017/QH14 xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được kiểm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, những người bào chữa cho các bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Qua cuộc xét hỏi công khai tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Vàng Mí P, Lừu Di T và Thào Mí S không thắc mắc gì về bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên; lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời trình bày của người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, phù hợp với những

tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do Thào Mí N làm quen và lấy được số điện thoại của Hù Thị X, tháng 8/2016, Thào Mí P làm quen được với Thào Mí N, N cho số điện thoại của X cho P và bảo P tán tỉnh yêu đương X, P đồng ý, P đã nhiều lần nhắn tin tán tỉnh X và giới thiệu tên là S. Đến sáng ngày 02/9/2016, Thào Mí N rủ Vàng Mí P, Thào Mí S đi lên nhà bạn của N là Lừ Dỉ T ở thôn S, xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang chơi. Tại đây, N bảo với cả ba người là muốn có tiền thì phải tìm gái đưa sang Trung Quốc bán. Nhủ có quen 02 người con gái ở Điện Biên N và P sẽ sang Điện Biên tán tỉnh để đưa sang Hà Giang, bán sang Trung Quốc còn S và T ở nhà khi nào gọi điện thoại thì ra đón. Bị cáo P đã cùng với N đi xe khách từ Hà Giang đến Hà Nội và lên Điện Biên, khoảng 04 giờ sáng ngày 07/9/2016, thì P và N đến khu vực đường rẽ vào xã M, huyện Đ, thuê nhà nghỉ, sau đó gọi điện cho X, C2 đến gặp và bị cáo P cùng với N đã đưa được Hù Thị X sinh năm 1994, Hù Thị C2 sinh năm 1999 lên tỉnh Hà Giang, qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Hù Thị X đã lợi dụng sơ hở của bị cáo P trốn được về Việt Nam, còn Hù Thị C đã đi lên xe ô tô đi sâu vào nội địa Trung Quốc, nay chưa về Việt Nam.

Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có khiếu nại về hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thu thập hợp pháp, đảm bảo khách quan vô tư chứng minh được: Ngày 09/9/2016, bị cáo Vàng Mí P, cùng Thào Mí N đã rủ và đưa được Hù Thị X, Hù Thị C đi lên Hà Giang và có Lừ Dỉ T, Thào Mí S vay tiền ra đón trả tiền taxi. Đến 22 giờ ngày 09/9/2016, N về bảo P, S, T là đã bán C2 được 14.000 Nhân dân tệ, mới trả trước 2.000 Nhân dân tệ. Sáng ngày hôm sau, N đưa cho bị cáo S 500 Nhân dân tệ, bảo S và P tự chia nhau. S đổi được 1.560.000 đồng, mua xăng hết 50.000 đồng, chia cho Vàng Mí P 700.000 đồng, S giữ 810.000 đồng. Bị cáo Lừ Dỉ T được N đưa cho 1.000.000 đồng (VNĐ). Các bị cáo đã đưa hai người đi bán nên hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội: “*Mua bán người*”, mục đích để đưa ra nước ngoài (Trung Quốc) nên tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 119/BLHS.

Từ các chứng cứ nêu trên, HĐXX có đủ căn cứ xác định các bị cáo Vàng Mí P, Lừ Dỉ T và Thào Mí S đã phạm tội: “*Mua bán người*” tội phạm được quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố để xét xử các bị cáo về tội danh, điều luật như trên là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Sơ thẩm, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ, e, khoản 2 Điều 119/BLHS, Điều 20, Điều 53 và điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46/BLHS xử phạt bị cáo Vàng Mí P từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Thào Mí S từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù. Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 119/BLHS, Điều 20, Điều 53, điểm b, p khoản 1 Điều 46/BLHS xử phạt bị cáo Lừ Dỉ T từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù. Không phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 119/BLHS đối với các bị cáo vì gia đình các bị cáo đều khó khăn về kinh tế. Ngoài ra, Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý phần vật chứng, án phí, trách nhiệm dân sự đã được nêu tại phần Nội

dung vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Xét về tính chất của vụ án: Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra. Hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính chất đồng phạm giản đơn theo quy định tại Điều 20/BLHS. Trong vụ án này, bị cáo Vàng Mí P là người thực hành tích cực, các bị cáo Lừu Dĩ T, Thào Mí S là người giúp sức, các bị cáo đã lợi dụng sự kém hiểu biết về pháp luật, xã hội và hoàn cảnh gia đình dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa để đưa người sang nước ngoài (Trung Quốc) để bán lấy tiền. Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm con người, được pháp luật bảo vệ. Do vậy, khi xem xét quyết định hình phạt cần áp dụng mức hình phạt nghiêm đối với các bị cáo mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa loại tội phạm này.

Trong vụ án này còn có đối tượng Thào Mí N, hiện đang bỏ trốn, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã số: 05 ngày 24/01/2017. Để đảm bảo cho vụ án được xét xử kịp thời, Cơ quan điều tra đã có quyết định tách vụ án, khi nào bắt được sẽ xử lý Thào Mí N sau là phù hợp.

Xét về nhân thân các bị cáo:

Bị cáo Vàng Mí P còn nhỏ sống phụ thuộc gia đình tại thôn P, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang, được học đến lớp 6/12 thì nghỉ học, ở nhà lao động sản xuất. Năm 2008, bị cáo xây dựng gia đình. Ngày 27/9/2016, bị cáo bị bắt khẩn cấp; ngày 05/10/2016, bị cáo bị khởi tố về tội “*Mua bán người*” cùng với các bị cáo Lừu Dĩ T, Thào Mí S.

Bị cáo Lừu Dĩ T từ nhỏ sống phụ thuộc gia đình tại được học hết lớp 02/12 thì bỏ học, ở nhà lao động sản xuất cùng gia đình. Đến ngày 08/9/2016, bị cáo có hành vi “*Mua bán người*”; ngày 05/10/2016, bị cáo bị khởi tố về tội “*Mua bán người*” cùng với các bị cáo Vàng Mí P và Thào Mí S.

Bị cáo Thào Mí S sinh ra và lớn lên ở cùng bố mẹ, không được đi học, lớn lên ở nhà lao động, sản xuất. Khi trưởng thành, bị cáo xây dựng gia đình và đã có 03 người con. Ngày 27/9/2016, bị cáo bị bắt khẩn cấp; ngày 05/10/2016, bị cáo bị khởi tố về tội “*Mua bán người*” cùng với các bị cáo Vàng Mí P và Lừu Dĩ T.

Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội và tỏ ra ăn năn, hối cải, các bị cáo sinh sống tại khu vực đặc biệt khó khăn, hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Các bị cáo đã thông qua gia đình và thỏa thuận bồi thường với người bị hại và đã bồi thường được một khoản tiền được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46/BLHS. Các bị cáo không có các tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 48/BLHS. Do đó, HĐXX xem xét, cân nhắc quyết định hình phạt phù hợp với tính chất mức độ của vụ án, vừa thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự đối với các bị cáo.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 119/BLHS thì các bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung một khoản tiền để sung quỹ Nhà nước. Nhưng, xét thấy các bị cáo đều là

người làm nông nghiệp, ở vùng sâu, vùng xa, điều kiện kinh tế của các bị cáo còn gặp nhiều khó khăn. Do vậy, HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

Xét về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người bị hại Hù Thị X yêu cầu bồi thường về danh dự, nhân phẩm số tiền: 10.000.000 đồng (mỗi bị cáo 2.500.000 đồng, Thào Mí N 2.500.000 đồng). Trả công đi tìm kiếm, chi phí khác cho người đại diện hợp pháp của người bị hại Hù Thị C1 (C2) - Bà Cứ Thị L 10.000.000 đồng (mỗi bị cáo 2.500.000 đồng, Thào Mí N 2.500.000 đồng). Tại phiên tòa, các bị cáo chấp nhận yêu cầu của người bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại. HĐXX xét thấy việc thỏa thuận giữa người bị hại, người đại diện hợp pháp người bị hại và các bị cáo là không trái luật và hoàn toàn tự nguyện nên cần được chấp nhận theo quy định tại các Điều 584, 587, 592 Bộ luật Dân sự năm 2015. Riêng đối với người bị hại Hù Thị C1, hiện nay chưa về Việt Nam, khi nào Hù Thị C1 có đơn yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Xét về vật chứng của vụ án: 03 chiếc điện thoại di động của 03 bị cáo, 01 xe máy của Lừ Dỉ T do các bị cáo đã dùng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu, bán sung ngân sách Nhà nước; cần trả các loại giấy tờ khác không liên quan đến vụ án cho các bị cáo; truy thu số tiền các bị cáo có được do bán Hù Thị C1 (C2) để sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại các Điều 41, Điều 42/BLHS năm 1999, Điều 76/BLTTHS năm 2003.

Xét về án phí: Cần căn cứ vào Điều 99/BLTTHS và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định mức thu án phí, lệ phí Tòa án, xét thấy các bị cáo Lừ Dỉ T, Thào Mí S thuộc hộ nghèo, bị cáo Vàng Mí P thuộc hộ cận nghèo, các bị cáo đều sinh sống tại khu vực đặc biệt khó khăn nên cần miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Vàng Mí P, Lừ Dỉ T, Thào Mí S phạm tội “*Mua bán người*”.

2. Hình phạt:

- Áp dụng: Điểm đ, e khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự; Điều 20, Điều 53 và điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vàng Mí P 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (ngày 27/9/2016).

- Áp dụng: Điểm đ, e khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự; Điều 20, Điều 53 và điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lừ Dỉ T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (ngày 27/9/2016).

- Áp dụng: Điểm đ, e khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự; Điều 20, Điều 53 và điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Thào Mí S 07 (bảy) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (ngày 27/9/2016).

3. Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003:

- Tịch thu, bán sung ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động, loại máy trần có bàn phím, vỏ máy màu vàng nâu, viền màu đen, nhãn hiệu FPT, máy đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong và tình trạng máy. Tạm giữ của Vàng Mí P.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động, loại máy trần có bàn phím, vỏ máy màu đen, viền màu xanh da trời, nhãn hiệu FPT, máy đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong và tình trạng máy. Tạm giữ của Thào Mí S.

+ 01 (một) xe máy hiệu YAMAHA màu đen, biển kiểm soát: 23N1-xyz; số khung: RLCS1FC30FY102782; số máy: 1FC3-102790. Đặc điểm riêng của xe khi tạm giữ như sau: Xe có 01 gương trái, không có gương phải, phía đầu xe có dán logo đầu con hổ, yếm trước dán logo phật bà quan âm bồ tát, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng và tình trạng của xe. Tạm giữ của Lừu Dĩ T.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu nâu, màn hình cảm ứng, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong và tình trạng máy. Tạm giữ của Lừu Dĩ T.

- Trả lại cho bị cáo Lừu Dĩ T:

+ 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số: 073442nhk, cấp ngày: 06/5/2014, mang tên Lừu Dĩ T.

+ 01 (một) giấy phép lái xe số: 020149006114, cấp ngày: 01/8/2014 mang tên Lừu Dĩ T.

- Truy thu, sung quỹ Nhà nước:

+ Truy thu của bị cáo Lừu Dĩ T số tiền: 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

+ Truy thu của bị cáo Vàng Mí P số tiền: 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng).

+ Truy thu của bị cáo Thào Mí S số tiền: 860.000 đồng (tám trăm sáu mươi ngàn đồng).

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ 01 (một) giấy chứng nhận đăng kí xe mô tô, xe máy số: 000934 đăng ký ngày 03/02/2015, mang tên Lừu Dĩ T.

+ 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc số: 007230256 cấp ngày 30/01/2015, người nộp tiền có tên Lừu Dĩ T.

(Các tài sản, vật chứng trên theo Biên bản Giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Điện Biên ngày 30/5/2017)

4. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, Điều 587, Điều 592 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bị cáo, người bị hại Hù Thị X, người đại diện hợp pháp của người bị hại Hù Thị C1 (C2) - Bà Cứ Thị L (Hù Thị Đ). Tổng số tiền 03 bị cáo phải bồi thường cho người bị hại Hù Thị X là: 7.500.000 đồng (mỗi bị cáo

2.500.000 đồng). Tổng số tiền 03 bị cáo bồi thường tiền công đi tìm, chi phí hợp lý khác cho bà Cù Thị L (Hù Thị Đ) là: 7.500.000 đồng (mỗi bị cáo 2.500.000 đồng). Trong đó:

+ Các bị cáo Vàng Mí P, Thào Mí S đã bồi thường xong, được người bị hại Hù Thị X, người đại diện hợp pháp của người bị hại Hù Thị C1 (C2) - Bà Cù Thị L công nhận.

+ Bị cáo Lừu Di T phải bồi thường cho Hù Thị X 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng chẵn).

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 99/BLTTHS và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định mức thu án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho các bị cáo.

Án xử công khai hình sự sơ thẩm có mặt các bị cáo, người bị hại: Bà Hù Thị X, người đại diện hợp pháp của người bị hại Hù Thị C1 (C2): Bà Cù Thị L (tên gọi khác: Hù Thị Đ); vắng mặt người bị hại Hù Thị C1 (C2). Báo cho các bị cáo, người bị hại: Bà Hù Thị X, người đại diện hợp pháp của người bị hại Hù Thị C1 (C1): Bà Cù Thị L (tên gọi khác: Hù Thị Đ) có quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại: Bà Hù Thị C1 (C2) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi người bị hại cư trú./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng HCTP-Sở Tư pháp;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của NBH;
- Người bào chữa;
- UBND (T/báo);
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Sùng A Xà

